

Số : 1528 /QĐ-UB-VX

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 1999

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch huy động nghĩa vụ
lao động công ích năm 1999.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;

- Căn cứ Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích số 09/HĐNN ngày 22 tháng 11 năm 1988 của Hội đồng Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nghị định số 56/HĐBT ngày 30 tháng 5 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích ;

- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và xã hội thành phố tại tờ trình số 313/TT-LĐTĐ ngày 05 tháng 3 năm 1999 ;

QUYẾT - ĐỊNH

Điều 1.- Nay giao chỉ tiêu kế hoạch huy động và phân phối sử dụng Quỹ nghĩa vụ lao động công ích của thành phố năm 1999 theo Biểu đính kèm.

Số ngày công nghĩa vụ lao động công ích của mỗi người là 10 ngày/năm.

Điều 2.- Quy định mức đóng tiền thay công trực tiếp năm 1999 cho người có nghĩa vụ tham gia lao động công ích cư trú tại thành phố như sau :

- Khu vực nội thành : 5.000 đồng/ngày công.

- Khu vực ngoại thành và các quận 2, 4, 7, 8, 9, 12, Thủ Đức : 3.000 đồng/ngày công.

Giao cho Sở Tài chính-Vật giá thành phố in, phát hành biên nhận thu tiền thay công nghĩa vụ lao động công ích cho phường-xã, thị trấn.

Điều 3.- Các trường hợp được miễn và tạm miễn nghĩa vụ lao động công ích được thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 Pháp lệnh số 09/CCT-HĐNN8 ngày 22/11/1988 của Hội đồng Nhà nước và Điều 1 Nghị định số 56/HĐBT ngày 30/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

I.- Những người sau đây được miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích hàng năm :

1. Quân nhân, kể cả công nhân Quốc phòng, Công an nhân dân.
2. Thương binh, bệnh binh.

3. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ đã đăng ký vào ngạch dự bị.

4. Bố, vợ hoặc chồng liệt sĩ.

5. Người tàn tật, người mất sức lao động.

6. Những người giữ chức sắc tôn giáo sau đây được miễn thực hiện nghĩa vụ lao động công ích :

- Đại đức, Hòa thượng, Thượng tọa (đối với đạo Phật).

- Linh mục, Giám mục hoặc đứng đầu các dòng tu (đối với đạo Thiên chúa giáo).

- Giảng sư, Mục sư (đối với đạo Tin lành).

II.- Những người sau đây được tạm miễn tham gia lao động công ích :

1. Người ốm đau đang điều trị, điều dưỡng.

2. Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ chưa đủ 36 tháng.

3. Người đang trực tiếp phục vụ thương binh, bệnh binh nặng, người bị tai nạn lao động, tai nạn chiến tranh, bệnh nghề nghiệp được xếp hạng thương tật nặng.

4. Người là lao động duy nhất đang trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động không nơi nương tựa.

5. Quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ chưa đủ 03 (ba) năm, kể từ ngày có quyết định xuất ngũ.

6. Dân quân tự vệ làm nhiệm vụ kiểm tra sẵn sàng chiến đấu do Ủy ban nhân dân quận-huyện, phường-xã, thị trấn điều động thì số ngày làm nhiệm vụ được trừ vào số ngày công lao động công ích.

7. Bố hoặc vợ của gia đình hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ có hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn chứng nhận.

8. Thanh niên xung phong hoàn thành nhiệm vụ về địa phương, cứ mỗi năm phục vụ trong thanh niên xung phong được miễn lao động công ích 01 năm.

9. Những người đang lao động, học tập, công tác ở nước ngoài từ 01 (một) năm trở lên.

10. Những người trong các hộ được quận-huyện, phường-xã, thị trấn công nhận thuộc diện xóa đói giảm nghèo.

Điều 4.- Quỹ tiền công nghĩa vụ lao động công ích năm 1999 được phân phối sử dụng :

a) Trích 5% tổng quỹ công quy thành tiền để chi cho công tác tổ chức quản lý huy động nghĩa vụ lao động công ích và được phân bố như sau :

- 3% cho tổ dân phố, tổ nhân dân.

- 2% cho phường-xã, thị trấn, khu phố, ấp.

b) Quỹ tiền công còn lại (sau khi trừ 5%) được để lại cho phường-xã, thị trấn sử dụng vào mục đích xây dựng, sửa chữa kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng tại địa phương.

Điều 5.- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn chịu trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng các công trình công ích tại địa phương và huy động nghĩa vụ lao động công ích, thông qua Hội đồng nhân dân phường-xã, thị trấn. Việc huy động và thực hiện công trực tiếp, hoặc công gián tiếp phải thông báo công khai cho nhân dân địa phương biết. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện chịu trách nhiệm thẩm định và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch huy động nghĩa vụ lao động công ích của các phường-xã, thị trấn trên địa bàn ; báo cáo kết quả xây dựng công trình cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 6.- Huy động nghĩa vụ lao động công ích đối với sinh viên, học sinh đang học các trường phổ thông, trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học được thực hiện bằng ngày công lao động trực tiếp do Ủy ban nhân dân phường-xã, thị trấn tổ chức huy động vào thời gian nghỉ hè hoặc thời gian nghỉ giữa 2 kỳ học, ngày chủ nhật để xây dựng các công trình công ích tại địa phương.

Điều 7.- Tổ chức hoặc công dân không chấp hành đúng theo Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích, Nghị định số 56/HĐBT ngày 30/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về huy động nghĩa vụ lao động công ích thì tùy theo lỗi vi phạm mà bị xử lý theo quy định tại điều 23 Nghị định số 56/HĐBT ngày 30/5/1989.

Điều 8.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này.

Điều 9- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở-ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường-xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.-

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Phương Thảo

**KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VÀ PHÂN PHỐI
SỬ DỤNG QUỸ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CÔNG ÍCH NĂM 1999**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-UB-NCVX
ngày 18/3/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính : ngày công

STT	QUẬN – HUYỆN	Kế hoạch huy động	Phân phối sử dụng tại Phường, Xã, Thị trấn	
			Trích quản lý phí 5%	Số công sử dụng vào các công trình (sau khi trích 5%)
	TOÀN THÀNH PHỐ	3.201.000	160.050	3.040.950
A	<i>Nội thành</i>	<i>2.695.000</i>	<i>134.750</i>	<i>2.560.250</i>
1	Quận 1	160.000	8.000	152.000
2	Quận 2	60.000	3.000	57.000
3	Quận 3	170.000	8.500	161.500
4	Quận 4	110.000	5.500	104.500
5	Quận 5	190.000	9.500	180.500
6	Quận 6	150.000	7.500	142.500
7	Quận 7	70.000	3.500	66.500
8	Quận 8	195.000	9.750	185.250
9	Quận 9	80.000	4.000	76.000
10	Quận 10	230.000	11.500	218.500
11	Quận 11	180.000	9.000	171.000
12	Quận 12	60.000	3.000	57.000
13	Quận Tân Bình	360.000	18.000	342.000
14	Quận Phú Nhuận	180.000	9.000	171.000
15	Quận Gò Vấp	160.000	8.000	152.000
16	Quận Bình Thạnh	240.000	12.000	228.000
17	Quận Thủ Đức	100.000	5.000	95.000
B	<i>Ngoại thành</i>	<i>506.000</i>	<i>25.300</i>	<i>480.700</i>
18	Huyện Hóc Môn	105.000	5.250	99.750
19	Huyện Củ Chi	180.000	9.000	171.000
20	Huyện Nhà Bè	45.000	2.250	42.750
21	Huyện Cần Giờ	46.000	2.300	43.700
22	Huyện Bình Chánh	130.000	6.500	123.500

